

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 30-11-2023  
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Ngọc

Ông Cụt Xuân Ninh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lô Quốc Át - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lô Thị L**, sinh năm: 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú quán: bản Con Mương, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: **Lô Văn H**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

Trú quán: **Bản C**, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 10 năm 2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Lô Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lô Thị L** kết hôn với anh **Lô Văn H** do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có Giấy đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An** vào ngày 28 tháng 9 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H mãi chơi, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ con thường xuyên bỏ nhà đi không nói lý do và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh H để ổn định công việc và cuộc sống.

Về con chung: Chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn H** có 02 con chung các cháu tên là **Lô Hoàng L1**, sinh ngày 15/5/2016 và cháu **Lô Hoàng L2**, sinh ngày 17/12/2018 hiện nay các cháu đang ở với tôi. Nguyên vọng chị L xin được nuôi con chung lý do từ khi sinh con ra đến nay anh H không quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc con tất cả mọi tình thương trách nhiệm đều do một mình chị thực hiện và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lô Thị L** khai vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Lô Văn H** trong quá trình giải quyết luôn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H cố tình vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An** đã cung cấp nội dung như sau:

Chị **Lô Thị L** kết hôn với anh **Lô Văn H** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An** ngày 28 tháng 9 năm 2015. Đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh **Lô Văn H**, chị **Lô Thị L** thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Tại các biên bản lấy lời khai thì ông **Lô Thái H1** bố đẻ của anh **Lô Văn H** trình bày: Chị **L** và anh **Hòa** kết h vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Sau khi kết hôn chị **L** và anh **H** chung sống với gia đình ông tại bản Con Mương, **xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Chị **L** và anh **H** hiện nay đã sống ly thân nhau. Về con chung thì chị **L** và anh **H** có 02 con chung các cháu tên là **Lô Hoàng L1**, sinh ngày 15/5/2016 và cháu **Lô Hoàng L2**, sinh ngày 17/12/2018 hiện nay các cháu sống với chị **L** tại bản Con Mương, **xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An**. Từ khi anh **H** bỏ đi làm ăn xa thì các cháu do một tay chị **L** chăm sóc và nuôi dưỡng còn anh **H** chưa bao giờ gửi tiền về hỗ trợ nuôi các cháu cùng vợ. Chị **L** đưa đón các cháu đi học, cho cháu ăn uống, chăm sóc cháu khi ốm đau. Từ khi anh **H** để các cháu lại cho chị **L** thì anh **H** chưa về thăm các cháu được lần nào. Ông **H1** cũng hỏi ý kiến của anh **H** thì anh **H** trình bày như sau: Về tình cảm: Anh Hòa đồng ý ly hôn với chị **L**; về con chung: Có nguyện vọng để cho chị **L** được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và cấp dưỡng tiền nuôi con chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Văn bản của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương tổng đạt cho anh **H** thì anh **H** đã được ông **H1** báo lại nhưng do anh **H** đi làm ăn xa, phương tiện đi lại khó khăn,

công trình xây dựng chưa xong, không xin nghỉ lâu ngày được nên không thể về giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về tài sản chung: Chị **L** và anh **H** không có tài sản nào có giá trị tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **Lô Văn H** không chấp hành và không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án. Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì thêm.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Chấp nhận cho chị **Lô Thị L** được ly hôn anh **Lô Văn H**.
- Về con chung: Giao chị **Lô Thị L** trực tiếp nuôi con chung là các cháu **Lô Hoàng L1**, sinh ngày 15/5/2016 và cháu **Lô Hoàng L2**, sinh ngày 17/12/2018, chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Đề nghị tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.
- Về án phí: Chị **Lô Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về tố tụng: Chị **Lô Thị L** có đơn xin ly hôn với anh **Lô Văn H** gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lô Thị L** kết hôn với anh **Lô Văn H** do hai người tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An** vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **H** không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vã và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó việc giải quyết cho vợ chồng ly hôn là cần thiết.

[3] Về con chung: Anh **Lô Văn H** và chị **Lô Thị L** có 02 người con chung các cháu tên là **Lô Hoàng L1**, sinh ngày 15/5/2016 và cháu **Lô Hoàng L2**, sinh ngày 17/12/2018 hiện tại đang ở cùng với chị **L** và anh **H** cũng không quan tâm chăm sóc con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu **Lô Hoàng L1** và cháu **Lô Hoàng L2** cần tiếp tục giao các cháu cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị **Lô Thị L** chưa yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị **Lô Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị **Lô Thị L** được ly hôn với anh **Lô Văn H**.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên là **Lô Hoàng L1**, sinh ngày 15/5/2016 và cháu **Lô Hoàng L2**, sinh ngày 17/12/2018 cho chị **Lô Thị L** trực tiếp nuôi, chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** về việc không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng tiền nuôi con chung và tạm hoãn việc nuôi con chung đối với anh **H**.

Anh **Lô Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị **Lô Thị L** và anh **Lô Văn H** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lô Thị L** chưa yêu cầu nên không giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn. Khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật

4/ Về án phí: Chị **Lô Thị L** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền chị **Lô Thị L** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005144

ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- UBND xã Lưu Kiên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Moong Công Hải**